



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

NGUYỄN THỊ LIÊN

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC BẢO ĐẢM TÍN DỤNG
BẰNG TÀI SẢN TRONG CHO VAY KHÁCH HÀNG
DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP
CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH
QUẢNG BÌNH**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

Mã số: 60.34.02.01

Đà Nẵng - Năm 2017

Công trình được hoàn thành tại
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐHQĐHN

Người hướng dẫn khoa học: TS. HỒ HỮU TIẾN

Phản biện 1: PGS.TS. Võ Thị Thúy Anh

Phản biện 2: PGS.TS. Đỗ Thị Phi Hoàì

Luận văn đã được bảo vệ trước hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp
Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà
Nẵng vào ngày 25 tháng 3 năm 2017

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm thông tin – học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, ĐHQĐHN

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hoạt động cho vay là hoạt động chủ yếu của bất kì ngân hàng thương mại nào, nó mang lại thu nhập lớn nhất nhưng cũng chứa đựng nhiều rủi ro nhất, trong đó cho vay khách hàng doanh nghiệp chiếm tỷ trọng lớn nên rủi ro xảy ra trong cho vay khách hàng doanh nghiệp sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh chung của ngân hàng. Công tác bảo đảm tín dụng bằng tài sản trong cho vay khách hàng doanh nghiệp vì thế rất quan trọng giúp ngân hàng vừa có thể ràng buộc khách hàng trong việc sử dụng vốn vay đúng mục đích tránh thất thoát vốn, vừa có nguồn thu nợ dự phòng khi nguồn thu nợ chính thức từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp không thực hiện được, từ đó hạn chế được rủi ro tín dụng.

Trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt, khi mà nhiều ngân hàng thương mại tìm cách hạ thấp các điều kiện cho vay thì việc làm thế nào để vừa giữ được khách hàng hiện hữu, thu hút khách hàng mới mà vẫn hạn chế được tổn thất trong cho vay khách hàng doanh nghiệp là một thử thách lớn. Việc vận dụng linh hoạt các hình thức bảo đảm tín dụng bằng tài sản trong cho vay doanh nghiệp góp phần giải quyết vấn đề này.

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Bình là một trong ba ngân hàng có thị phần hoạt động lớn nhất tại địa bàn tỉnh Quảng Bình, với tỷ trọng cho vay KHDN hàng năm chiếm hơn một nửa tổng dư nợ của Chi nhánh. Tuy nhiên hiện nay công tác bảo đảm tín dụng bằng tài sản trong cho vay KHDN của Chi nhánh còn có một số bất cập. Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn đó, tác giả chọn đề tài: *“Hoàn thiện công tác bảo đảm tín dụng bằng tài sản trong cho*

vay khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Bình” làm đề tài luận văn của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về công tác bảo đảm tín dụng bằng tài sản trong cho vay khách hàng doanh nghiệp của ngân hàng thương mại.

- Phân tích, đánh giá thực trạng công tác BĐTDBTS trong cho vay KHDN của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình.

- Đề xuất giải pháp góp phần hoàn thiện công tác BĐTDBTS trong cho vay KHDN tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình.

***Câu hỏi nghiên cứu**

- Nội dung cơ bản của công tác BĐTDBTS trong cho vay KHDN của NHTM gồm những vấn đề gì? Đánh giá kết quả công tác dựa trên những tiêu chí nào?

- Thực trạng công tác bảo đảm tín dụng bằng tài sản trong cho vay khách hàng doanh nghiệp của Vietinbank Quảng Bình giai đoạn 2014-2016 như thế nào? Có những thành công và hạn chế gì?

- Để hoàn thiện công tác bảo đảm tín dụng bằng tài sản trong cho vay khách hàng doanh nghiệp, Vietinbank Quảng Bình phải thực hiện những giải pháp gì?

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Lý luận về công tác BĐTDBTS trong cho vay KHDN của NHTM và thực tiễn công tác BĐTDBTS trong cho vay KHDN của Vietinbank Quảng Bình.

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Không gian: Tại Vietinbank Quảng Bình

+ Thời gian: Từ năm 2014 đến năm 2016

4. Phương pháp nghiên cứu

- Đề tài sử dụng phương pháp thu thập thông tin về tình hình hoạt động thực tế của Vietinbank Quảng Bình từ năm 2014 đến năm 2016, thông tin từ sách báo, tài liệu, các bài viết liên quan.

- Đề tài sử dụng phương pháp lịch sử, thống kê, phân tích, tổng hợp, so sánh... để đánh giá, nhận định.

*** Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài**

Về lý luận: Luận văn góp phần hệ thống hóa những lý luận cơ bản về công tác bảo đảm tín dụng bằng tài sản trong cho vay KHDN của ngân hàng thương mại.

Về thực tiễn: Luận văn phân tích, đánh giá thực trạng công tác BDTDBTS trong cho vay KHDN tại Vietinbank Quảng Bình, qua đó nêu lên được những thành công mà Chi nhánh đã đạt được và những tồn tại hạn chế. Trên cơ sở phân tích nguyên nhân những hạn chế tồn tại đó luận văn đưa ra các giải pháp và kiến nghị để khắc phục được những tồn tại đã nêu.

5. Bộ cục đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về công tác bảo đảm tín dụng bằng tài sản trong cho vay khách hàng doanh nghiệp của ngân hàng thương mại.

Chương 2: Thực trạng công tác bảo đảm tín dụng bằng tài sản trong cho vay KHDN tại Vietinbank Quảng Bình.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện công tác bảo đảm tín dụng bằng tài sản trong cho vay KHDN tại Vietinbank Quảng Bình.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Luận văn thạc sĩ tài chính ngân hàng với đề tài “Hoàn thiện công tác BĐTV bằng tài sản tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cầu Giấy”, tác giả Nguyễn Thị Ngọc Thúy (2012); Luận văn thạc sĩ quản trị kinh doanh với đề tài “Hoàn thiện công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh Ngũ Hành Sơn”, tác giả Đoàn Thị Ngọc Mai (2014); Luận văn thạc sĩ quản trị kinh doanh với đề tài “Hoàn thiện công tác BĐTV bằng tài sản tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh quận Hải Châu”, tác giả Trần Công sinh (2014); Luận văn thạc sĩ tài chính ngân hàng với đề tài “Giải pháp nâng cao chất lượng công tác bảo đảm tiền vay tại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Quảng Bình”, tác giả Phan Thị Thu Hiền (2014),

Điểm chung của các luận văn đã nghiên cứu trên là việc sử dụng phương pháp thống kê, mô tả, so sánh để đánh giá thực trạng công tác BĐTV tại các NHTM, các địa phương khác nhau, là cơ sở quan trọng để luận văn này kế thừa các kết quả nghiên cứu. Ngoài ra, đối tượng nghiên cứu của các luận văn trên là công tác BĐTV của một chi nhánh ngân hàng mà chưa đi sâu nghiên cứu công tác bảo đảm tiền vay bằng tài sản đối với KHDN. Luận văn này sẽ nghiên cứu và đưa ra giải pháp thích hợp hoàn thiện công tác BĐTDBTS trong cho vay KHDN tại Vietinbank Quảng Bình thời gian tới.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC BẢO ĐẢM TÍN DỤNG BẰNG TÀI SẢN TRONG CHO VAY KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. BẢO ĐẢM TÍN DỤNG BẰNG TÀI SẢN TRONG CHO VAY KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP CỦA NHTM

1.1.1. Cho vay khách hàng doanh nghiệp của NHTM

a. Khái niệm cho vay

b. Khái niệm và đặc điểm cho vay khách hàng doanh nghiệp

Cho vay khách hàng doanh nghiệp của NHTM là một hình thức cấp tín dụng của ngân hàng đối với doanh nghiệp, trong đó NHTM giao hoặc cam kết giao cho khách hàng là doanh nghiệp một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

Đặc điểm cơ bản của cho vay khách hàng doanh nghiệp:

- Đối tượng khách hàng đa dạng vì các doanh nghiệp hoạt động trong nhiều ngành nghề lĩnh vực khác nhau.
- Mục đích vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.
- So với khách hàng cá nhân, số lượng khách hàng doanh nghiệp ít nhưng quy mô khoản vay lớn.
- Khách hàng có trình độ, thông tin khách hàng khá bài bản.
- Khách hàng chịu ảnh hưởng các biến số kinh tế vĩ mô.
- Tính chất khoản vay phức tạp và thời gian xử lý lâu hơn khách hàng cá nhân.

1.1.2. Rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của NHTM

a. Khái niệm rủi ro tín dụng trong cho vay

RRTD là rủi ro mà các dòng tiền được hẹn trả theo hợp đồng từ các khoản cấp tín dụng sẽ không được trả đầy đủ và/ hoặc đúng hạn.

b. Nguyên nhân của rủi ro tín dụng trong cho vay KHDN

- Nguyên nhân từ phía doanh nghiệp
- Nguyên nhân từ phía ngân hàng
- Nguyên nhân từ môi trường kinh tế, pháp lý, xã hội

c. Hậu quả của rủi ro tín dụng trong cho vay KHDN

- Đối với ngân hàng: Giảm lợi nhuận, có thể ảnh hưởng đến quy mô hoạt động của NHTM, đe dọa sự ổn định của hệ thống ngân hàng.

- Đối với doanh nghiệp: hạn chế khả năng tiếp cận vốn vay của doanh nghiệp

- Đối với nền kinh tế xã hội: RRTD xảy ra làm ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế

1.1.3. Bảo đảm tín dụng trong cho vay KHDN của NHTM

a. Khái niệm bảo đảm tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

Bảo đảm tín dụng trong cho vay doanh nghiệp là việc NHTM áp dụng các biện pháp nhằm phòng ngừa rủi ro, tạo cơ sở kinh tế và pháp lý để thu hồi được các khoản nợ đã cho KHDN vay.

b. Vai trò của bảo đảm tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

- Đối với ngân hàng: Là nội dung quan trọng trong quản trị rủi ro tín dụng.

- Đối với doanh nghiệp: Giúp doanh nghiệp có được nguồn vốn tài trợ cho hoạt động SXKD đồng thời tạo động lực cho họ sử dụng vốn thận trọng và hiệu quả hơn.

c. Các hình thức bảo đảm tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

- Bảo đảm tín dụng bằng tài sản
- Bảo đảm tín dụng không bằng tài sản

1.1.4. BDTDBTS trong cho vay KHDN của NHTM

a. Các hình thức BDTDBTS trong cho vay KHDN

- Bảo đảm tín dụng bằng cầm cố tài sản
- Bảo đảm tín dụng bằng thế chấp tài sản
- Bảo đảm bằng tài sản của bên thứ ba
- Bảo đảm bằng tài sản hình thành trong tương lai

b. Đặc điểm BDTDBTS trong cho vay KHDN

- Khoản vay thường có giá trị lớn nên TSBĐ cũng thường có giá trị lớn hoặc có nhiều TSBĐ bảo đảm cho một khoản vay.

- Danh mục TSBĐ đa dạng hơn so với cho vay khách hàng cá nhân.

- Một số trường hợp TSBĐ là đồng sở hữu nên khi ngân hàng xử lý tài sản gặp khó khăn và kéo dài thời gian.

- Trường hợp cầm cố TSBĐ, doanh nghiệp vẫn có nhu cầu sử dụng và định đoạt tài sản

- Chủ yếu là TSBĐ của bên thứ ba do nhu cầu vay vốn của doanh nghiệp lớn so với TSBĐ của chính doanh nghiệp.

1.2. CÔNG TÁC BẢO ĐẢM TÍN DỤNG BẰNG TÀI SẢN TRONG CHO VAY KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

1.2.1. Mục tiêu của công tác BDTDBTS trong cho vay KHDN

- Phòng ngừa rủi ro nhờ gắn trách nhiệm vật chất của khách hàng vào khoản vay, đồng thời hạn chế tổn thất cho ngân hàng khi xảy ra rủi ro, vì tài sản bảo đảm là nguồn thu nợ dự phòng.

- Công tác BDTDBTS trong cho vay KHDN góp phần giúp ngân hàng thực hiện chính sách cho vay doanh nghiệp hiệu quả.

1.2.2. Chính sách BDTDBTS trong cho vay của NHTM

- ✓ *Lựa chọn hình thức BDTDBTS*
- ✓ *Lựa chọn, xác định danh mục TSBĐ*
- ✓ *Lựa chọn phương pháp định giá TSBĐ*

- ✓ *Xác định tỷ lệ cho vay tối đa so với giá trị tài sản*
- ✓ *Quy trình công tác BDTDBTS trong cho vay KHDN*
- ✓ *Cách thức quản lý và kiểm soát tài sản*
- ✓ *Xử lý tài sản bảo đảm*

1.2.3. Tổ chức bộ máy quản lý công tác BDTDBTS

- Tổ chức theo mô hình tập trung: Công tác BDTDBTS được thực hiện tập trung chủ yếu bởi một bộ phận, phòng/ban.

- Tổ chức theo mô hình chuyên môn hóa: Công tác BDTDBTS được thực hiện bởi sự phối hợp của nhiều bộ phận, phòng/ban, trong đó mỗi bộ phận chịu trách nhiệm một hoặc một số khâu nhất định trong quy trình công tác.

1.2.4. Quy trình và nội dung BDTDBTS trong cho vay KHDN

Bước 1: Nhận và kiểm tra hồ sơ tài sản bảo đảm

Bước 2: Thu thập thông tin

Bước 3: Thẩm định TSBĐ và phê duyệt nhận bảo đảm

Bước 4: Lập và ký HĐBĐ, hoàn thành thủ tục pháp lý liên quan

Bước 5: Bàn giao tài sản, hồ sơ tài sản bảo đảm và nhập kho

Bước 6: Quản lý TSBĐ, hồ sơ TSBĐ, tái thẩm định TSBĐ và xử lý các phát sinh liên quan

Bước 7: Xử lý hoặc giải chấp tài sản bảo đảm

1.2.5. Các tiêu chí phản ánh kết quả công tác BDTDBTS trong cho vay KHDN

a. Số lượng hồ sơ TSBĐ được tiếp nhận, giải quyết

b. Danh mục và cơ cấu TSBĐ

c. Thời gian trung bình giải quyết hồ sơ TSBĐ/ xử lý TSBĐ

d. Tỷ lệ dư nợ cho vay KHDN có bảo đảm bằng tài sản

e. Tỷ lệ nợ xấu cho vay KHDN có bảo đảm bằng tài sản

f. Tỷ lệ trích lập dự phòng XLRR cụ thể trong cho vay KHDN có TSBD

g. Tỷ lệ thu hồi từ TSBD trong cho vay KHDN

h. Mức vốn tổn thất trong cho vay KHDN có bảo đảm bằng tài sản bù đắp bằng quỹ dự phòng xử lý rủi ro

1.2.6. Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác BDTDBTS trong cho vay KHDN

a. Các nhân tố bên ngoài

- Môi trường kinh doanh
- + Môi trường pháp lý
- + Môi trường kinh tế
- + Môi trường chính trị, xã hội
- Chính sách của Nhà nước liên quan đến BDTDBTS
- Thị trường giao dịch của các loại TSBD
- Tình hình cạnh tranh giữa các ngân hàng
- Các nhân tố thuộc về khách hàng
- + Năng lực tài chính, kinh doanh, trình độ quản lý
- + Đạo đức khách hàng
- + Loại TSBD mà khách hàng sở hữu

b. Nhân tố bên trong

- Chính sách tín dụng doanh nghiệp của ngân hàng trong từng thời kỳ
- Năng lực hoạch định và điều hành của lãnh đạo ngân hàng
- Số lượng, trình độ, đạo đức cán bộ làm công tác BDTDBTS
- Nguồn thông tin và chất lượng nguồn thông tin

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC BẢO ĐẢM TÍN DỤNG
BẰNG TÀI SẢN TRONG CHO VAY KHÁCH HÀNG
DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP
CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH QUẢNG BÌNH

2.1. GIỚI THIỆU VỀ VIETINBANK QUẢNG BÌNH

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

2.1.2. Cơ cấu tổ chức quản lý và chức năng nhiệm vụ

2.1.3. Kết quả hoạt động

a. Tình hình huy động vốn

Tổng nguồn vốn huy động năm 2016 là 2.416 tỷ đồng, tăng 407 tỷ đồng, tương đương tăng 120,26% so với năm 2015. Nguồn vốn huy động từ nhóm khách hàng cá nhân là nguồn khá ổn định, chiếm tỷ trọng chủ yếu, trên 60% trong tổng nguồn vốn. Xét theo kỳ hạn, nguồn vốn có kỳ hạn chiếm tỷ trọng khoảng 90% tổng nguồn vốn. Chi nhánh duy trì được cơ cấu nguồn vốn huy động khá hợp lý.

b. Tình hình cho vay

Mức tăng trưởng dư nợ hàng năm của Chi nhánh trên 20%. Tổng dư nợ cho vay năm 2016 đạt 3.604 tỷ đồng, tăng 803 tỷ đồng so với năm 2015, tương đương tốc độ tăng 128,67%. Dư nợ cho vay KHDN chiếm tỷ trọng chủ yếu (trên 50%) trong tổng dư nợ. Chi nhánh duy trì tỷ lệ dư nợ cho vay trung dài hạn ở mức thấp (dưới 30% tổng dư nợ). Tỷ lệ nợ xấu luôn duy trì ở mức dưới 1% và giảm dần qua từng năm. Chi nhánh được đánh giá là ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất trong ngành ngân hàng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

c. Kết quả tài chính

Chênh lệch thu chi của Chi nhánh tăng lên qua từng năm, đạt 24 tỷ đồng năm 2014, 37 tỷ đồng năm 2015 và đến năm 2016 là 42 tỷ

đồng, năm 2016 tăng 113% so với 2015. Đây là kết quả khá trong điều kiện cạnh tranh gay gắt giữa các ngân hàng, là sự nỗ lực rất lớn của tập thể lãnh đạo, cán bộ nhân viên Chi nhánh.

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC BDTDBTS TRONG CHO VAY KHDN TẠI VIETINBANK QUẢNG BÌNH

2.2.1. Đặc điểm KHDN vay vốn của Chi nhánh

- Số lượng KHDN vay vốn lớn và hàng năm tăng lên đáng kể, chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ ngoài quốc doanh.

- Địa bàn hoạt động của các KHDN trải rộng trên toàn tỉnh có điều kiện giao thông đi lại chưa thực sự thuận lợi, nên Chi nhánh gặp một số khó khăn trong việc kiểm tra sử dụng vốn vay, quản lý TSBĐ...

- KHDN hoạt động đa dạng trong các ngành nghề, lĩnh vực khác nhau trong đó dư nợ cho vay doanh nghiệp trong ngành xây dựng và thương mại chiếm tỷ trọng cao, giá trị TSBĐ thường thấp hơn nhu cầu vay vốn.

- Ít doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu, không có công ty niêm yết trên các sàn giao dịch chứng khoán, do đó cũng hạn chế khả năng đa dạng hóa danh mục TSBĐ trong cho vay KHDN của Chi nhánh.

2.2.2. Chính sách bảo đảm tín dụng bằng tài sản trong cho vay KHDN của Vietinbank Quảng Bình

a. Nguyên tắc bảo đảm bằng tài sản

b. Hình thức bảo đảm tín dụng bằng tài sản

c. Điều kiện về TSBĐ

d. Danh mục TSBĐ

e. Định giá TSBĐ

f. Tỷ lệ cấp tín dụng tối đa so với giá trị TSBĐ

g. Quản lý và kiểm soát tài sản

h. Xử lý TSBĐ

Chính sách BDTDBTS của Vietinbank Quảng Bình được xây dựng rõ ràng và chi tiết, tuy nhiên khá thận trọng, nguyên tắc chặt chẽ nên có một số khách hàng hiện hữu của Chi nhánh có nhu cầu vốn lớn nhưng không đủ TSBĐ đáp ứng điều kiện hoặc Chi nhánh định giá và xác định tỷ lệ cho vay thấp và bị ngân hàng khác lôi kéo.

2.2.3. Tổ chức quản lý công tác BDTDBTS trong cho vay KHDN

Vietinbank Quảng Bình tổ chức quản lý công tác BDTDBTS trong cho vay KHDN theo mô hình chuyên môn hóa, có sự phân công phân nhiệm rõ ràng, kiểm soát chéo rất chặt chẽ, tuy nhiên chưa thực sự gọn nhẹ.

2.2.4. Tình hình thực hiện công tác BDTDBTS trong cho vay KHDN tại Vietinbank Quảng Bình

Bước 1: Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ TSBĐ

Bước 2: Thu thập thông tin

Bước 3: Thẩm định TSBĐ và phê duyệt bảo đảm

Bước 4: Ký kết HĐBĐ, hoàn thành thủ tục pháp lý liên quan

Bước 5: Giao nhận TSBĐ, hồ sơ TSBĐ và nhập kho

Bước 6: Quản lý TSBĐ, hồ sơ TSBĐ, tái thẩm định TSBĐ và xử lý các phát sinh liên quan

Bước 7: Giải chấp hoặc xử lý TSBĐ

2.2.5. Kết quả công tác BDTDBTS trong cho vay KHDN tại Vietinbank Quảng Bình

- Hình thức bảo đảm tín dụng trong cho vay KHDN: Tổng dư nợ cho vay KHDN 2014 – 2016 lần lượt là 1.626 tỷ đồng, 1.789 tỷ đồng, 1.961 tỷ đồng, trong đó dư nợ cho vay KHDN có bảo đảm bằng tài sản chiếm tỷ trọng ngày càng tăng và đều đạt trên 70% dư nợ cho vay KHDN. Chi nhánh áp dụng đa dạng các hình thức BDTDBTS trong cho vay KHDN phù hợp với đặc điểm khách hàng:

Tỷ lệ dư nợ được bảo đảm bằng tài sản của bên thứ ba chiếm trên 70%, tỷ lệ dư nợ được bảo đảm bằng cầm cố tài sản của khách hàng vay chiếm rất thấp, dưới 1% qua các năm. Dư nợ được bảo đảm bằng thế chấp tài sản khách hàng vay và TSHTTTTL chiếm tỷ lệ tương đối.

- Danh mục TSBĐ trong cho vay KHDN khá phong phú: BĐS luôn là loại TSBĐ được Chi nhánh ưu tiên nhận thế chấp, chiếm tỷ trọng cao nhất, khoảng 50% qua các năm. TSBĐ là máy móc thiết bị tiềm ẩn nhiều rủi ro nên Chi nhánh giảm tỷ trọng và giữ ở mức thấp (dưới 5%) trong danh mục. Tài sản thanh khoản cao thường có thời hạn ngắn và không ổn định do nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp lớn, chiếm khoảng 15%. Từ 2015 Chi nhánh nhận thêm một số loại tài sản như vườn cây công nghiệp, quyền sử dụng đất nông nghiệp... Nhóm tài sản này chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong danh mục. Các TSBĐ khác như hàng hóa, quyền hưởng lợi từ HĐKT... chiếm khoảng 10%.

- Kết quả công tác BDTDBTS trong cho vay KHDN:

+ Số lượng KHDN vay vốn tại Chi nhánh tăng mạnh từ 292 khách hàng năm 2014 đến năm 2016 là 428 khách hàng, do Chi nhánh nỗ lực tiếp thị, tìm kiếm và có biện pháp thu hút KHDN vay vốn.

+ Số lượng hồ sơ TSBĐ của KHDN được tiếp nhận và thẩm định, cho vay tăng mạnh qua từng năm. Tỷ lệ hồ sơ được cho vay đạt khoảng 90% tổng số hồ sơ được thẩm định hàng năm, điều này cho thấy chất lượng tiếp nhận, thẩm định hồ sơ tài sản của Chi nhánh khá tốt.

+ Nợ xấu cho vay KHDN có TSBĐ năm 2014 qua các năm đều duy trì dưới 2%.

+ Tỷ lệ trích lập DPRR cụ thể trong cho vay KHDN có TSBĐ tương đối thấp và giảm dần. Tuy nhiên, số tiền trích lập DPRR cụ thể tăng do các khoản nợ xấu cũ chưa thu hồi được chuyển nhóm nợ cao hơn đồng thời giá trị khấu trừ TSBĐ giảm sút.

Bảng 2.7. Kết quả công tác BĐTDBTS trong cho vay KHDN

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	2014	2015	2016
1	Số lượng KHDN vay vốn	KH	292	390	428
2	Số lượng hồ sơ TSBĐ được tiếp nhận	Hồ sơ	820	1.277	1.588
3	Số lượng hồ sơ TSBĐ được thẩm định	Hồ sơ	800	1.260	1.550
4	Số lượng hồ sơ TSBĐ KHDN được cho vay	Hồ sơ	742	1.138	1.366
5	Tỷ lệ dư nợ cho vay KHDN có TSBĐ	%	73,74	77,36	85,98
6	Tỷ lệ nợ xấu cho vay KHDN có TSBĐ	%	1,21	0,82	0,90
7	Dự phòng rủi ro cụ thể trong cho vay KHDN có bảo đảm bằng tài sản	Tỷ đồng	2,7	2,6	2,9
8	Tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể cho vay KHDN có TSBĐ	%	0,23	0,19	0,17
9	Dư nợ xử lý rủi ro KHDN có TSBĐ	Tỷ đồng	3,2	2,4	3,7
10	Thu hồi nợ XLRR từ TSBĐ	Tỷ đồng	1,5	1,6	2
11	Tỷ lệ thu hồi nợ XLRR từ TSBĐ	%	45,94	66,67	54,05
12	Mức vốn tổn thất trong cho vay KHDN có TSBĐ bù đắp bằng quỹ dự phòng	Tỷ đồng	1,7	0,8	1,7
13	Số trường hợp KHDN xử lý TSBĐ nhưng không trả đủ nợ vay và lãi	Hồ sơ	2	1	3

(Nguồn: Phòng tổng hợp Vietinbank Quảng Bình)

+ Tỷ lệ thu hồi nợ XLRR từ TSBĐ đạt chưa cao, dưới 70%.

+ Mức tổn thất cho vay KHDN có TSBĐ bù đắp bằng quỹ dự phòng so với quy mô dư nợ cho vay KHDN có TSBĐ tuy không lớn nhưng cũng góp phần giúp Chi nhánh đánh giá toàn diện hơn, từ đó rút kinh nghiệm, quan tâm hơn công tác BĐTDBTS trong cho vay KHDN.

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC BĐTDBTS TRONG CHO VAY KHDN TẠI VIETINBANK QUẢNG BÌNH

2.3.1. Những thành công

- Chi nhánh đã thực hiện khá nghiêm túc, khoa học, có hệ thống công tác này, có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng giữa các bộ phận.

- Đa dạng hóa các loại tài sản trong danh mục TSBĐ, áp dụng các hình thức bảo đảm phù hợp.

- Chất lượng thẩm định TSBĐ tại Chi nhánh ngày càng được nâng cao.

- Công tác bảo quản tài sản, hồ sơ tài sản an toàn, không có hiện tượng mất mát hư hỏng.

- Tỷ lệ nợ xấu trong cho vay KHDN có TSBĐ thấp.

- Trường hợp phải xử lý TSBĐ thu nợ Chi nhánh ưu tiên thuyết phục, thỏa thuận, thương lượng ... trước khi khởi kiện ra tòa án, hạn chế tổn kém thời gian và chi phí, nâng cao uy tín Chi nhánh.

- Đội ngũ cán bộ trẻ năng động, nhanh nhẹn, tiếp thu và xử lý nhanh các kiến thức mới.

- Chi nhánh đã đổi mới ứng dụng hệ thống công nghệ ngân hàng hiện đại (CORE sunshine, LOS, CLIMS, iCdoc...), giúp việc lưu trữ, vận chuyển thông tin tốt hơn, nhanh hơn.

- Công tác kiểm soát nội bộ, kiểm soát chéo được thực hiện tốt tại tất cả các khâu trong quy trình công tác BDTDBTS.

- Giai đoạn 2014-2016 Chi nhánh không có tổn thất nào liên quan đến TSBĐ do cán bộ hay khách hàng lừa đảo.

2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân

a. Hạn chế

- Tổ chức công tác chưa thực sự gọn nhẹ

- Chi nhánh chưa thật sự chủ động trong việc đa dạng hóa danh mục tài sản bảo đảm.

- Công tác thẩm định tài sản bảo đảm còn một số hạn chế về định giá, về dự báo rủi ro...

- Công tác quản lý TSBĐ chưa được chú trọng.

- Xử lý TSBĐ còn gặp nhiều khó khăn, thời gian xử lý còn kéo dài. Một số trường hợp xử lý tài sản không đủ bù đắp nợ XLRR.

b. Nguyên nhân

** Nguyên nhân từ phía ngân hàng:*

- Từ năm 2014 đến 2016 Chi nhánh trải qua việc liên tục thay đổi mô hình, áp dụng những chương trình phần mềm, công nghệ mới cán bộ chưa thành thạo, còn nhiều lúng túng, bỡ ngỡ.

- Tại Chi nhánh áp dụng chính sách BDTDBTS chung của toàn hệ thống. Tuy nhiên, chính sách do Vietinbank ban hành còn một số điểm chưa sát thực tế, xây dựng trên quan điểm kiểm soát rủi ro hơn là quan tâm đảm bảo quyền lợi hợp lý của khách hàng.

- Số lượng và chất lượng cán bộ tại Chi nhánh còn hạn chế.

- Do áp lực hoàn thành chỉ tiêu nên tại Chi nhánh vẫn có xu hướng quan tâm tìm kiếm, phát triển khách hàng mới, chú trọng công tác tiếp nhận thẩm định tài sản mới hơn so với việc quản lý theo dõi khách hàng, TSBĐ hiện hữu.

- Số lượng CBHTTD ít nhưng phải tham gia rất nhiều nghiệp vụ, làm việc còn rập khuôn, cứng nhắc và bị quá tải, gây ách tắc hồ sơ.

** Các nguyên nhân bên ngoài ngân hàng:*

- Địa bàn cho vay khá rộng, giao thông chưa thuận lợi nên việc đi thẩm định và kiểm tra TSBĐ mất nhiều thời gian, kiểm soát tài sản còn khó khăn.

- Môi trường pháp lý chưa đồng bộ, thủ tục còn khá rườm rà, nhất là trong xử lý, phát mại TSBĐ để thu hồi nợ.

- Thị trường giao dịch các loại TSBĐ tại Quảng Bình còn kém sôi động, thông tin ít, chất lượng thông tin còn thấp.

- Một số ít khách hàng, bên bảo đảm thiếu thiện chí, không hợp tác trong việc kiểm tra, xử lý TSBĐ.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC BẢO ĐẢM TÍN DỤNG BẰNG TÀI SẢN TRONG CHO VAY KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP TẠI VIETINBANK QUẢNG BÌNH

3.1. CĂN CỨ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

3.1.1. Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Bình và dự báo nhu cầu vay vốn của doanh nghiệp

- Phần đầu tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân hàng năm giai đoạn 2016 - 2020 đạt 13%; khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển thương mại, dịch vụ, nhất là lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế như dịch vụ vận tải biển, bưu chính viễn thông, khoa học công nghệ, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và xuất nhập khẩu. Tiếp tục đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng cho thương mại, du lịch, thu hút nguồn vốn trong và ngoài nước, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư.

Đến nay trên địa bàn tỉnh Quảng Bình có 7.155 doanh nghiệp. Trong đó số lượng doanh nghiệp có quan hệ vay vốn tại Vietinbank Quảng Bình chỉ mới đạt tỷ lệ 6%, qua đó cho thấy việc khai thác mở rộng cho vay KHDN còn nhiều tiềm năng.

3.1.2. Định hướng kinh doanh của Vietinbank Quảng Bình thời gian tới

- Tăng cường công tác huy động vốn.
- Tăng trưởng quy mô tín dụng đi đôi với kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng.
- Quản lý chất lượng tín dụng, chú trọng công tác kiểm tra, kiểm soát RRTD.
- Xây dựng kế hoạch, phương án thu hồi nợ có kết quả.
- Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, triển khai kịp thời các sản phẩm dịch vụ, tăng dần tỷ trọng thu phí dịch vụ.

- Giữ vững và nỗ lực mở rộng thị phần, khai thác tối đa hệ khách hàng hiện hữu, đẩy mạnh phát triển hệ khách hàng mới...

- Một số chỉ tiêu định hướng đến năm 2017:

+ Nguồn vốn huy động đạt 2.395 tỷ đồng

+ Dự nợ cho vay đạt 4.515 tỷ đồng;

+ Nợ xấu dưới 0,5% tổng dự nợ

+ Thu dịch vụ: 19,3 tỷ đồng

+ Chênh lệch thu chi đạt 74,759 tỷ đồng.

3.1.3. Định hướng hoàn thiện công tác BDTDBTS trong cho vay KHDN của Vietinbank Quảng Bình

- Tăng tỷ trọng cấp tín dụng có TSBĐ trong cho vay KHDN.

- Xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa các văn bản cụ thể hóa chính sách BDTDBTS trong cho vay KHDN. Tiếp tục đa dạng hóa danh mục TSBĐ tạo điều kiện mở rộng tín dụng.

- Ưu tiên nhận TSBĐ của khách hàng vay trước khi nhận của bên thứ ba

- Thực hiện nghiêm túc quy trình nhận BDTDBTS. Duy trì thường xuyên hoạt động kiểm tra, kiểm toán nội bộ nhằm phát hiện, khắc phục chỉnh sửa kịp thời những sai sót trong công tác này.

- Tập trung giải quyết xử lý TSBĐ nhằm thu hồi nợ xấu, nợ tồn đọng, áp dụng các hình thức đa dạng và hiệu quả trong xử lý nợ.

- Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác BDTDBTS, hạn chế được hậu quả của thông tin bất đối xứng.

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác tín dụng về chuyên môn nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp.

3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC BDTDBTS TRONG CHO VAY KHDN TẠI VIETINBANK QUẢNG BÌNH

3.2.1. Hoàn thiện công tác thẩm định TSBĐ

- Thực hiện nghiêm túc quy trình công tác, các quy định, văn bản hướng dẫn của Vietinbank.

- Thẩm định kỹ nội dung về pháp lý của của TSBĐ, của bên bảo đảm, tăng cường liên hệ các cơ quan chức năng có liên quan để làm rõ các nội dung về pháp lý, tính thật giả của tài sản, hồ sơ tài sản.

- Áp dụng linh hoạt các phương pháp định giá phù hợp đặc điểm từng loại tài sản để có kết quả tốt nhất. Nội dung dự báo, phân tích rủi ro liên quan trong thẩm định TSBĐ cần được đầu tư hơn.

- Quan tâm hơn đến công tác tái thẩm định TSBĐ.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu có chọn lọc, cập nhật thông tin về giá, về thị trường giao dịch, về xu hướng biến động giá các loại tài sản, các khu vực đất quy hoạch, giải tỏa...

- Thuê cơ quan thẩm định giá chuyên nghiệp thẩm định giá đối với TSBĐ có giá trị lớn hoặc TSBĐ đặc thù, ít thông tin tham khảo...

- Kết hợp tốt giữa thẩm định TSBĐ và thẩm định phương án vay vốn.

3.2.2. Tăng cường công tác quản lý tài sản bảo đảm

- Thực hiện nghiêm túc quy định về theo dõi, kiểm tra, định giá lại TSBĐ theo định kỳ và đột xuất.

- Tăng cường rà soát, kiểm tra tình hình sử dụng vốn, tình hình TSBĐ, đặc biệt TSTC được khách hàng khai thác thường xuyên.

- Quản lý sát sao TSBĐ là kho hàng, kho nguyên vật liệu...

- CBQLKH phối hợp phòng Tiền tệ kho quỹ và các phòng liên quan rà soát, đối chiếu dữ liệu về TSBĐ của khách hàng hàng tháng.

- Đối với TSHTTTTL, CBQHKKH cần kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn, tiến độ hình thành tài sản, cường độ sử dụng, bảo quản tài sản của khách hàng.

- Xây dựng phần mềm, chương trình theo dõi, nhắc nhở, in báo cáo các TSBĐ sắp hết hạn bảo hiểm, báo cáo các TSBĐ đến hạn kiểm tra, định giá lại trong vòng 1 tuần, 1 tháng để có kế hoạch đi kiểm tra.

3.2.3. Nâng cao chất lượng xử lý TSBD

- Các cán bộ phòng Tổng hợp phụ trách công tác xử lý TSBD cần phối hợp chặt chẽ với cán bộ phòng khách hàng quản lý khoản vay để đề xuất lộ trình, giải pháp thu nợ thích hợp.

- Trường hợp đến hạn khách hàng không trả được nợ, Chi nhánh cần chủ động thỏa thuận, thương lượng để đưa ra hướng giải quyết, hạn chế thấp nhất việc khởi kiện ra tòa án gây tốn kém chi phí, thời gian.

- Tạo lập mối quan hệ tốt với cơ quan chức năng, tòa án, công an, thi hành án... tranh thủ sự giúp đỡ trong xử lý TSBD.

3.2.4. Nâng cao nhận thức của cán bộ lãnh đạo Chi nhánh đối với công tác BDTDBTS trong cho vay KHDN

Cán bộ lãnh đạo cần nhận thức được tầm quan trọng của công tác BDTDBTS trong cho vay KHDN để hoạch định, xây dựng định hướng cũng như chỉ đạo công tác tín dụng, công tác BDTDBTS phù hợp, không tìm mọi cách làm hài lòng khách hàng ảnh hưởng Chi nhánh.

3.2.5. Nâng cao trình độ chuyên môn và phẩm chất đạo đức của cán bộ làm công tác BDTDBTS

- Thường xuyên quán triệt tư tưởng, ý thức tuân thủ quy chế, quy trình nghiệp vụ, giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ.

- Thường xuyên đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ về chuyên môn nghiệp vụ, các kỹ năng mềm.

- Xây dựng chính sách khen thưởng kỉ luật, chính sách tiền lương kịp thời hợp lý, quan tâm đời sống cán bộ nhân viên để nắm tâm tư nguyện vọng, phòng ngừa và hạn chế hiện tượng tha hóa, móc nối với khách hàng để vụ lợi, gây hậu quả cho ngân hàng.

- Tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bố trí sắp xếp công việc phù hợp trình độ, năng lực, sở trường, nguyện vọng để cán bộ có thể phát huy hết khả năng.

- Tạo môi trường làm việc lành mạnh, cởi mở, vui vẻ, các cán bộ làm việc tại những bộ phận khác nhau phối kết hợp tốt với nhau vì công việc chung.

- Thực hiện luân chuyển công tác cán bộ hợp lý.

3.2.6. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin trong công tác BDTDBTS trong cho vay KHDN

- Ứng dụng CNTT để xây dựng phần mềm theo dõi, tra cứu, truy xuất thông tin về tình trạng TSBĐ, tình hình xuất nhập kho, ...

- Xây dựng kho dữ liệu, thông tin chi tiết về khách hàng, về TSBĐ, lịch sử giao dịch, tình hình tài chính, các chỉ tiêu phi tài chính...

- Giao cán bộ phòng Tổng hợp làm đầu mối, chuyên thu thập, xử lý thông tin, đưa ra các dự báo, cảnh báo rủi ro, phân tích thị trường, ngành hàng...

3.2.7. Chủ động vận dụng, cụ thể hóa chính sách, quy định của Vietinbank về BDTDBTS trong cho vay KHDN

- Có biện pháp khuyến khích khách hàng sử dụng tài sản của chính doanh nghiệp hoặc của lãnh đạo doanh nghiệp làm TSBĐ.

- Chủ động đa dạng hóa danh mục TSBĐ hơn nữa.

- Có thể ưu tiên giải quyết những nhu cầu hợp lý của khách hàng trước và hoàn thiện hồ sơ nội bộ sau, trong thời hạn nhất định, nếu không ảnh hưởng đến tính an toàn trong cho vay, nhận TSBĐ.

3.2.8. Các giải pháp khác

- Nâng cao chất lượng tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ TSBĐ.

- Tổ chức hội ý phổ biến tóm tắt nội dung các văn bản mới để các cán bộ cùng cập nhật.

- Có kế hoạch chỉnh sửa, quy định thời hạn chỉnh sửa và báo cáo kết quả chỉnh sửa lỗi tác nghiệp theo tuần, theo tháng.

- Trao đổi thêm giữa các phòng có liên quan để thống nhất cách hiểu về văn bản, quy trình tránh được khúc mắc trong giải quyết hồ sơ làm chậm tiến độ, ảnh hưởng công việc chung.

- Quan tâm phổ biến các tạp chí ngân hàng, báo địa phương,... để cán bộ nắm thông tin về thị trường, xã hội... phục vụ công việc.

3.3. KIẾN NGHỊ

3.3.1. Kiến nghị đối với Vietinbank

- Việc thay đổi mô hình tín dụng của Vietinbank cần được thực hiện theo lộ trình phù hợp, không nên quá thường xuyên.

- Xây dựng quy trình quy định riêng đối với các KHDN vi mô và siêu vi mô có giá trị khoản vay và giá trị TSBĐ nhỏ để giảm bớt thủ tục, thời gian cho khách hàng, giảm tải cho cán bộ.

- Thực hiện tăng trưởng tín dụng phải đi đôi với chất lượng tín dụng, đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh.

- Xây dựng kho dữ liệu khách hàng, TSBĐ chung cho toàn hệ thống để tất cả các chi nhánh trong hệ thống.

- Đối với những khoản tín dụng, những TSBĐ vượt thẩm quyền Chi nhánh, TSC nên quy định phòng PDTD thẩm định song song với việc thẩm định của Chi nhánh giúp tiết kiệm thời gian.

- Duy trì thường xuyên hoạt động kiểm tra kiểm soát nội bộ giúp Chi nhánh phát hiện những sai sót để chỉnh sửa kịp thời.

3.3.2. Kiến nghị đối với UBND tỉnh Quảng Bình và các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh

3.3.3. Kiến nghị đối với Ngân hàng Nhà nước

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

KẾT LUẬN

Bảo đảm tín dụng bằng tài sản trong cho vay khách hàng doanh nghiệp của NHTM là công tác quan trọng trong việc hạn chế rủi ro tín dụng khách hàng doanh nghiệp nói riêng và rủi ro trong hoạt động kinh doanh ngân hàng nói chung. Để công tác này phát huy vai trò, cần có sự kết hợp đồng bộ của nhiều yếu tố như môi trường, chính sách, yếu tố con người...

Trong phạm vi, đối tượng đã được giới hạn, luận văn đã đạt được những kết quả sau:

- Làm rõ một số vấn đề lý luận cơ bản về công tác BĐTDBTS trong cho vay KHDN của NHTM như: chính sách BĐTDBS, các tiêu chí phản ánh kết quả công tác, các nhân tố ảnh hưởng đến công tác BĐTDBTS trong cho vay KHDN...

- Phân tích, đánh giá thực trạng tình hình hoạt động kinh doanh nói chung và công tác BĐTDBTS trong cho vay KHDN, những thành công và hạn chế, tồn tại trong công tác này tại Vietinbank Quảng Bình. BĐTDBTS trong cho vay KHDN là hoạt động được tiến hành thường xuyên, xuyên suốt quá trình hoạt động của Chi nhánh. Bên cạnh những thành công đạt được như: đa dạng hóa danh mục TSBĐ, chất lượng thẩm định TSBĐ được nâng cao, kiểm soát được dư nợ xấu cho vay KHDN có TSBĐ... thì công tác BĐTDBTS trong cho vay KHDN của Vietinbank Quảng Bình còn tồn tại một số hạn chế như: chưa thực sự chú trọng công tác quản lý TSBĐ, công tác thẩm định TSBĐ còn một số bất cập, thời gian xử lý một số TSBĐ kéo dài, hay còn một số khoản nợ XLRR không thu hồi được...

- Trên cơ sở các nguyên nhân hạn chế xuất phát từ phía ngân hàng và từ các yếu tố bên ngoài, căn cứ phương hướng phát triển

kinh tế xã hội tỉnh Quảng Bình, định hướng kinh doanh và định hướng công tác BDTDBTS trong cho vay KHDN của Vietinbank Quảng Bình thời gian tới, luận văn đề xuất các nhóm giải pháp như: hoàn thiện công tác thẩm định TSBĐ, tăng cường công tác quản lý TSBĐ, nâng cao chất lượng xử lý TSBĐ, giải pháp về nâng cao trình độ chuyên môn và phẩm chất đạo đức đối với cán bộ làm công tác tín dụng... đồng thời đưa ra một số kiến nghị với các cơ quan cấp trên có liên quan nhằm hoàn thiện công tác này tại Chi nhánh.

Do điều kiện về thời gian và năng lực của bản thân có hạn, luận văn chắc chắn còn những thiếu sót. Rất mong nhận được sự quan tâm góp ý kiến của Quý thầy cô và bạn bè để luận văn được hoàn thiện hơn nữa.

Trương Khon Nguyễn
Chữ
PGS.TS. Lê Văn Chí Dũng